

Bản án số: 63/2023/DS-PT
Ngày 25-4-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhân
Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo
Bà Đinh Thị Quý Chi

- **Thư ký phiên toà:** Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 25 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 117/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị S**, sinh năm 1953 “vắng mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông **Lê Trọng H**, sinh năm 1968; địa chỉ: Văn phòng giao dịch-Văn phòng Luật sư Q, đường ĐT 741, thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước “có mặt”

- **Bị đơn:**

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977 “có mặt”

2. Ông **Hoàng Văn Q**, sinh năm 1967 “có mặt”

Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông **Nguyễn Đức D**, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố M, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”

-**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Phạm Ngọc C**, sinh năm 1949 “vắng mặt”
2. Anh **Phạm Ngọc H**, sinh năm 1978 “vắng mặt”
3. Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1979 “vắng mặt”

Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

-*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông **Dương Vĩnh T**-Luật sư của Văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Đường N, tổ 3, khu phố 1, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”

-*Người kháng cáo:* Các bị đơn bà **Nguyễn Thị T** và ông **Hoàng Văn Q**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị S và các bị đơn bà Nguyễn Thị T ông Hoàng Văn Q là hàng xóm với nhau và nguyên đơn cho các bị đơn vay tiền nhiều lần trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2011. Vào ngày 30 tháng 4 năm 2013, giữa nguyên đơn và các bị đơn có thỏa thuận chốt nợ vay, ký bằng văn bản với tiêu đề “*Giấy vay tiền*”, theo đó các bị đơn còn nợ vay nguyên đơn số tiền 600 triệu đồng, trả theo lãi suất theo Ngân hàng, từ nay các bị đơn trả dần cho nguyên đơn một tháng 20 triệu đồng. Tuy nhiên, sau đó các bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận trên, đến ngày 30 tháng 12 năm 2019 các bị đơn mới trả cho nguyên đơn được số tiền 10 triệu đồng và năm 2020 các bị đơn đóng la phong nhà cho vợ chồng con của nguyên đơn là anh Phạm Ngọc H chị Đinh Thị T với giá là 50 triệu đồng và được nguyên đơn căn trừ vào số tiền các bị đơn còn nợ nguyên đơn nên sau khi khi căn trừ thì các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 540 triệu đồng. Do các bị đơn vẫn không tiếp tục trả nợ vay nên nguyên đơn khởi kiện đối với các bị đơn yêu cầu các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả đầy đủ số tiền 540 triệu đồng nợ vay còn lại cho nguyên đơn mà không yêu cầu tính lãi.

Về phía các bị đơn bà Nguyễn Thị T ông Hoàng Văn Q thừa nhận giữa nguyên đơn và các bị đơn có chốt nợ vay với nhau vào ngày 30 tháng 4 năm 2013 (Âm lịch) thể hiện tại “*Giấy vay tiền*” thì các bị đơn còn nợ vay của nguyên đơn 600 triệu đồng nhưng các bị đơn cho rằng các bị đơn đã trả cho nguyên đơn 500 triệu đồng sau thời điểm chốt nợ nên các bị đơn chỉ còn nợ vay nguyên đơn 100 triệu đồng. Do đó, các bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay còn lại 100 triệu đồng mà không chấp nhận trả cho nguyên đơn 540 triệu đồng tiền nợ vay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án số 23/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S, buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn Q cùng phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho nguyên đơn bà Lê Thị S đầy đủ số tiền 540 triệu đồng.

Ngoài ra, còn quyết định về án phí, biện pháp đảm bảo thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 8 năm 2022, các bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn Q có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm trên theo hướng các bị đơn không phải trả cho nguyên đơn đầy đủ số tiền 540 triệu đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm bị kháng cáo trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Vụ án này do có kháng cáo của các bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn Q theo thủ tục phúc thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước theo Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của các bị đơn trên, thấy rằng:

Các bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn Q thừa nhận các bị đơn còn nợ vay số tiền 600 triệu đồng của nguyên đơn bà Lê Thị S được thể hiện tại văn bản “*Giấy vay tiền*” ngày 30 tháng 4 năm 2013 (Âm lịch). Tuy nhiên, các bị đơn cho rằng sau đó các bị đơn đã trả cho nguyên đơn 500 triệu đồng nhiều lần, cụ thể khoảng tháng 7 năm 2013 trả 400 triệu đồng, khoảng đầu năm 2014 trả 30 triệu đồng, ngày 30/12/2019 trả 10 triệu đồng, cân trừ tiền đóng la phong 50 triệu đồng và tiền bồn nhôm 10 triệu đồng nhưng chỉ được nguyên đơn chấp nhận số tiền trả 10 triệu đồng vào ngày 30/12/2019 và số tiền 50 triệu đồng cân trừ việc đóng la phong cho vợ chồng con của nguyên đơn là anh Phạm Ngọc H chị Đinh Thị T, còn các khoản còn lại không được nguyên đơn thừa nhận nhưng các bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc trả nợ vay các khoản còn lại trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới phải trả đầy đủ số tiền nợ vay 540 triệu đồng còn lại cho nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận nên các bị đơn cũng phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn Q,

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ vào các điều 121, 122, 124, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 25 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S, buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn Q phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho nguyên đơn bà Lê Thị S đầy đủ số tiền 540 triệu đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ các điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn Q cùng phải nộp 25.600.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn Q cùng phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ toàn bộ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà các bị đơn đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Toà án số 0015856 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Toà án nhân dân huyện P;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân